

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 20/09/2019

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PPD+CTK3+P6	7:25	22+0+0	0+0+0		10+8+4	0+0+0	chuyen 2 ppd- ctk3
2		PPD+RP3	7:25	10+12	0+0		9+12	0+0	chuyen 2 ppd- rp3
3		RP3+CTK3+P4	9:25	12+0+10	0+0+0		0+0+16	0+0+0	chuyen 2 ctk3- p4
4		RP3	9:25	22	0		3	0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/09/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: PPD - CTK3 - P6	CREW: Phong - TRƯỜNG - PTUÂN	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM TAI	PPD	73	1	5	23	75	KHI	Vietnamese
2	ĐỖ CHUNG KIẾN	PPD	81	1	5	40	63	KHI	Vietnamese
3	HOANG MINH HIẾU	PPD	68	1	5		71	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN TẤT THANH	PPD	64	1	7		70	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN HUY SƠN	PPD					79	KHI	Vietnamese
6	DOÀN VIỆT ĐIệp	PPD	79-80	2	10		60	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN NGỌC THU	PPD	67	1	5		64	KHI	Vietnamese
8	ĐINH THẾ QUÂN	PPD	75	1	6		70	KHI	Vietnamese
9	TRẦN LÊ RĂNG	PPD	65	1	2		85	KHI	Vietnamese
10	KHARITONOV YURY	PPD	50-51	2	9		78	KHI	Russian
11	BERNHIKOV V.N	PPD	60	1	9		110	KHI	Russian
12	ĐIệp XUÂN PHONG	PPD	76,78	2	10		66	KHI	Vietnamese
13	TRẦN VĂN NAM	PPD	74	1	4		71	KHI	Vietnamese
14	HA THE BAO	PPD					77	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN VINH	PPD	48	1	2		78	KHI	Vietnamese
16	PHUNG VĂN CHÍNH	PPD	49	1	4		76	KHI	Vietnamese
17	PHẠM HAI QUANG	PPD	63	1	4		75	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN CÔNG HIỂN	PPD	70	1	4		58	KHI	Vietnamese
19	TRINH CÔNG BÌNH	PPD	62	1	6		64	KHI	Vietnamese
20	TRẦN VĂN THANH	PPD	61	1	5		55	KHI	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN TÁ	PPD	71,72	2	7		72	KHI	Vietnamese
22	BUI THANH	PPD	66	1	4		65	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	22	24	113	1.582	63	11		CHUYEN 2 PAX TU PPD SANG CTK3 INB: TRINH XUAN SON
2	CTK3	0	0	0	0	30	7		
3	P6	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		22	24	113	1.582	93	22		
WEIGHT KG				113	1.582	93			

GRAND TOAL: 1.788 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/09/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: PPD - RP3	CREW: TUYỀN - Khang - Năm	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐOÀN DUY HÙNG	PPD					90	KHI	Vietnamese
2	PHẠM HỒNG THAI	PPD	46	1	5	62	60	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN VIỆT NGOC	PPD	36	1	5		64	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN THẾ HÙNG	PPD	35	1	5		75	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN ANH TÀI	PPD	37	1	5		75	KHI	Vietnamese
6	PHẠM HỒNG QUAN	PPD	42,45	2	7		80	KHI	Vietnamese
7	PHẠM DUY CHUNG	PPD	38	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
8	DƯƠNG VĂN ĐỒNG	PPD	39-40	2	12		65	KHI	Vietnamese
9	LÊ MINH Y	PPD	43-44	2	12		60	KHI	Vietnamese
10	KAZIKOV	PPD	41	1	8		100	ANTOAN	Russian
11	DU TRẦN HUNG	RP3	59	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NG. TRỌNG TÂM	RP3	58	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI VĂN HUNG	RP3	67	1	5		71	KHI	Vietnamese
14	LAM TIẾN PHI	RP3	62	1	5		75	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN XUÂN SANG	RP3	63-64	2	5	37	60	KHI	Vietnamese
16	HỒ VĂN LƯƠNG	RP3	60	1	3	40	67	KHI	Vietnamese
17	TRẦN VĂN SEN	RP3	61	1	5		75	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN TRUNG HOÀ	RP3	72	1	5		70	KHI	Vietnamese
19	PHẠM TRUNG DŨNG	RP3	69-70	2	8		70	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN CỬ	RP3	65	1	4		55	KHI	Vietnamese
21	ĐẶNG HUY KHANH	RP3	66	1	3		67	KHI	Vietnamese
22	NGUYỄN HUY TRƯỞNG	RP3	68	1	2		65	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	10	12	64	741	62	8+2		CHUYEN 02 PAX TU PPD SANG RP3
2	RP3	12	14	59	805	77	12		1 NB LE NGOC MINH
TOTAL		22	26	123	1.546	139	20		
WEIGHT KG				123	1.546	139			

GRAND TOAL: 1.808 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/09/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:30
FLIGHT: 3	TO: RP3 - CTK3 - P4	CREW: Phong - TRƯỜNG - PTUẤN	ETA: 11:10
XANH-2			

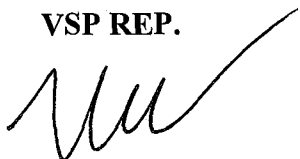
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM VĂN LẬP	RP3					52	KHI	Vietnamese
2	ĐỖ MINH QUÂN	RP3	63	1	6		90	KHI	Vietnamese
3	PHẠM BÌNH NAM	RP3	50	1	4		62	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH NAM	RP3	52-53	2	12		60	KHI	Vietnamese
5	LAI VĂN MINH	RP3	54	1	5		63	KHI	Vietnamese
6	TÀ PHI KHANH	RP3	51	1	3	22	75	KHI	Vietnamese
7	PHẠM ĐÌNH TUẤN	RP3	62	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐÌNH BẢO CUÔNG	RP3	67-68	2	14		58	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỌC HOA	RP3	64	1	10	20	65	KH-THAC	Vietnamese
10	TÔNG XUÂN LÂM	RP3	58	1	6		59	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN HỮU TRÌNH	RP3	55-57	3	20		73	KHI	Vietnamese
12	DƯƠNG VĂN TIỀN	RP3	58	1	5		80	KHI	Vietnamese
13	PHAN HỒNG TÂM	P4	76-78	3	16	20	59	KHI	Vietnamese
14	KOLECHIK A.IO	P4	75	1	7		104	KHI	Russian
15	TRƯƠNG THANH GIÁP	P4	82	1	4		77	KHI	Vietnamese
16	PHẠM TRẠI	P4	80	1	4		74	KHI	Vietnamese
17	TÀ XUÂN HIỆU	P4	84	1	4		65	KHI	Vietnamese
18	PHẠM ĐỨC HIỆP	P4	74	1	3		79	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN MINH CANG	P4	83	1	5		71	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN TÀI	P4	79	1	2		70	KHI	Vietnamese
21	PHAN ĐÌNH NHÂM	P4					50	KHI	Vietnamese
22	NGUYỄN HOÀNG TRƯỜNG	P4	81	1	4		77	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

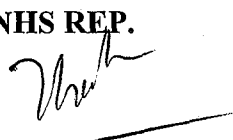
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	12	15	90	800	42	0		CHUYEN 2 PAX CTK3 SANG P4
2	CTK3	0	0	0	0	0	2		
3	P4	10	11	49	726	20	16		
TOTAL		22	26	139	1.526	62	18		
WEIGHT KG				139	1.526	62			

GRAND TOAL: 1.727 KGS

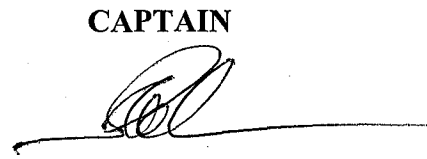
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/09/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:35
FLIGHT: 4	TO: RP3	CREW: TUYỀN - Khang - Năm	ETA: 11:15
cam-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VĂN HUY	RP3	99	1	5		90	KHI	Vietnamese
2	PHAN VĂN THANH	RP3	800	1	8		55	KHI	Vietnamese
3	TRƯƠNG CÔNG Y LIT	RP3	97-98	2	17		55	KHI	Vietnamese
4	PHẠM VĂN THUẬN	RP3	32-33	2	10		62	KHI	Vietnamese
5	TRẦN MẠNH HUNG	RP3	28	1	5		52	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN NGỌC DƯƠNG	RP3	91	1	7	25	80	KHI	Vietnamese
7	LƯƠNG VĂN BẮC	RP3	93-94	2	15		73	KHI	Vietnamese
8	ĐO VĂN HAI	RP3	92	1	5		60	KHI	Vietnamese
9	TRẦN VĂN DUNG	RP3	95	1	10		55	KHI	Vietnamese
10	TRẦN QUỐC TOÀN	RP3	30	1	5		50	KHI	Vietnamese
11	TRẦN KIM THÔNG	RP3	86-87	2	15		60	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN DUY HAO	RP3	85	1	5		63	XAYLAP	Vietnamese
13	VÔ HOANG LAM	RP3	15-16	2	17		67	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN VĂN NAM	RP3	81-82	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN TRỌNG BẠCH	RP3	78-79	2	17		60	XAYLAP	Vietnamese
16	VÔ TẠ HOAN	RP3	83-84	2	15		75	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐOAN HA	RP3	96,34	2	15		60	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN PHÚC SANG	RP3	76-77	2	15		60	XAYLAP	Vietnamese
19	VU MẠNH THẮNG	RP3	89-90	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN CÔNG ĐÌNH	RP3	80	1	11		70	XAYLAP	Vietnamese
21	PHAN SY CAO	RP3	88	1	3		63	PSV	Vietnamese
22	PHẠM VĂN NAM	RP3	29	1	5		50	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	22	33	237	1.395	25	3		
TOTAL		22	33	237	1.395	25	3		
WEIGHT KG				237	1.395	25			

GRAND TOAL: 1.657 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 21/09/2019

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD1+P1+BK10	7:25	18+4+0	0+0+0		13+1+8	0+0+0	
2		JS2+TD1	9:25	14+8	0+0		9+8	0+0	

TTDBSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/09/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: TD1 - P1 - BK10	CREW: VThắng - Hạnh - Huy	ETA: 09:30
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ QUANG LUC*TT	TD1	12	1	6		64	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN NAM	TD1	04	1	13		73	DVL	Vietnamese
3	MULNIUCHKIN V.V.	TD1	05	1	15		90	DVL	Russian
4	PHẦN ĐĂNG TUÂN	TD1	19-20	2	17		60	DVL	Vietnamese
5	TRẦN VĂN THỤ	TD1	14	1	15		55	DVL	Vietnamese
6	HÀ MINH TUÂN	TD1	03	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN TUYẾN	TD1	06	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN TIẾN DUNG	TD1	07,23	2	10		68	KHOAN	Vietnamese
9	LẠI ĐỨC LAM	TD1	13	1	3		66	KHOAN	Vietnamese
10	NGÔ XUÂN THƯƠNG	TD1	02	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ VIỆT THANH	TD1	15-16	2	11		70	KHOAN	Vietnamese
12	LUÔNG TÂN HAI*MC-PVD	TD1	17	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN PHI HÙNG	TD1	11	1	7		86	KHOAN	Vietnamese
14	CÙ THANH NHÂN*CAM-PVDT	TD1	08	1	5	30	65	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN QUANG LƯỢNG	TD1	18	1	6		67	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN VIỆT CHUÔNG	TD1	09	1	4		64	KHOAN	Vietnamese
17	PHẠM ĐĂNG NINH	TD1	10	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
18	PHẠM VIỆT BÈ NGHĨA	TD1	01	1	7		70	BAKER HU	Vietnamese
19	TẠ NGỌC THẠNH	P1	90	1	14		75	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM TRUNG HIỆU	P1	94	1	13	70	74	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN GIA CƯỜNG	P1	91-92	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
22	NHÂM HOANG SƠN	P1	93	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	18	21	142	1.241	30	13		
2	P1	4	5	47	282	70	1		
3	BK10	0	0	0	0	18	8		
TOTAL		22	26	189	1.523	118	22		
WEIGHT KG				189	1.523	118			

GRAND TOAL: 1.830 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/09/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:50
FLIGHT: 2	TO: JS2 - TD1	CREW: VThắng - Hạnh - Huy	ETA: 11:50
xanh-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VIỆT DŨNG	JS2	78-79	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
2	HOANG THANH BINH	JS2	80	1	7		60	XAYLAP	Vietnamese
3	ĐO VĂN HOANG	JS2	81-82	2	6		60	XAYLAP	Vietnamese
4	VÕ NGUYỄN MINH PHƯỚC	JS2	83	1	7	15	75	XAYLAP	Vietnamese
5	PHAN VĂN ĐƯƠNG	JS2	87	1	9		65	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐÌNH TÔI	JS2	65-66	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
7	PHẠM VĂN ĐỊNH	JS2	74	1	11		75	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ TRI HẢI	JS2	67	1	10	15	63	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN QUANG TUẤN	JS2	71-72	2	18		80	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN VĂN TRƯỜNG	JS2	76-77	2	15		75	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN TRẦN TRUNG	JS2	70	1	12	14	66	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN NGỌC LONG	JS2	73	1	15		64	XAYLAP	Vietnamese
13	VŨ XUÂN CHÍNH	JS2	85-86	2	18		62	XAYLAP	Vietnamese
14	LÊ HỮU THANH	JS2	75	1	10		66	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN HỒNG PHƯỚC	TD1	29	1	5		67	ANTOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN HIẾN	TD1	28	1	6		75	DVL	Vietnamese
17	PHAN NGỌC TIẾN	TD1	30	1	8		60	DVL	Vietnamese
18	NGUYỄN HỮU TUYẾN	TD1	27	1	10		60	DVL	Vietnamese
19	TRẦN CÔNG CHIẾN	TD1	31	1	10	4	77	DVL	Vietnamese
20	NGUYỄN VINH KHA	TD1	26	1	13		66	DVL	Vietnamese
21	PHẠM VĂN TƯỜNG	TD1	24	1	7		80	DVL	Vietnamese
22	NGUYỄN TRỌNG HOANG	TD1	25	1	8		62	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	14	20	168	941	44	10		
2	TD1	8	8	67	547	4	8		
TOTAL		22	28	235	1.488	48	18		
WEIGHT KG				235	1.488	48			

GRAND TOAL: 1.771 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 22/09/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2+P2+BK4+TD ₂	7:25	16+0+2	0+0+0		16+0+0	0+0+0	CHUYẾN 1 P2-BK4
2		TD1-P2	09:25						CAP CUU

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/09/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: TD2 - P2 - BK4 - TD3	CREW: LHai - VTHU - thông	ETA: 09:30
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN PHONG*TT	TD2	04	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
2	TRẦN CÔNG HIẾN	TD2	13	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
3	ĐO NGỌC QUANG	TD2					62	KHOAN	Vietnamese
4	LÊ VĂN XUÂN	TD2	16	1	6		80	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN DUY KIẾN	TD2	09	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
6	ĐÌNH NGỌC GIANG	TD2	12	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
7	DƯƠNG HAI BĂNG	TD2	14	1	5		81	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM VĂN HÙNG	TD2	07	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN VĂN BÌNH	TD2	06	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
10	MAI XUÂN TÙNG*MC-PVD	TD2	15	1	5		84	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ HÙNG CUÔNG	TD2	17	1	2		98	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM MINH TRỌNG-PVDT	TD2	18	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ XUÂN TÙNG	TD2	10	1	15		66	ANTOAN	Vietnamese
14	TRẦN VIỆT HO	TD2	11	1	15		70	DVL	Vietnamese
15	PHAN VINH TRƯỞNG	TD2	08	1	10		66	DVL	Vietnamese
16	TRẦN VĂN CHINH	TD2	05	1	5		50	GETRACO	Vietnamese
17	DO QUỐC HUY	P2	50	1	5		75	KHI	Vietnamese
18	ĐOÀN MINH XANH	BK4	53	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐẶNG QUANG TẾ	BK4	52	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
20	VU BA THUAN	TD3	88	1	10	44	66	KTHAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	16	15	107	1.157	0	16		CHUYỂN 1 PAX TỪ P2 SANG BK4
2	P2	1	1	5	75	0	0		
3	BK4	2	2	9	119	0	0		
4	TD3	1	1	10	66	44	1		
TOTAL		20	19	131	1.417	44	17		
WEIGHT KG				131	1.417	44			

GRAND TOAL: 1.592 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/09/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:15
FLIGHT:	TO: TD1 - P2	CREW: Hạnh - MTuấn - ĐTHU - Chuyên	ETA: 10:45
EMERGENCY			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN THANH TUNG	TD1	33	1	15	15	62	BAC SY	Vietnamese
2	TRINH TUAN ANH	TD1					65	CONG AN	Vietnamese
3	NGUYEN TRUNG KIEN	TD1					75	VSP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	3	1	15	202	15	4		THAO GHE CHO CANG
2	P2	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		3	1	15	202	15	6		
WEIGHT KG				15	202	15			

GRAND TOAL: 232 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 23/09/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RCDM+TD5-RP2	7:25	4+18	0+0		0+16+2	0+0	
2		RC3-TD3	7:25	3+19	0+0		2+20	0+0	
3		P4+JS2+TD3	9:25	10+11+0	0+0+0		0+2+16	0+0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/09/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: RCDM - TD5 - RP2	CREW: Văn - DUONG - HIẾU	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI ĐỨC TRUYỀN	RCDM	99-11	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN KHẮC TUẤT	RCDM	42	1	7	34	70	XAYLAP	Vietnamese
3	HÀ XUÂN THANH	RCDM	43-44	2	17	10	71	XAYLAP	Vietnamese
4	LÊ VĂN QUANG	RCDM	45	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
5	PHẠM VĂN CHIẾN	TD5	15	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN BẠCH TUNG	TD5	09	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN VIÊN*TT	TD5	13	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN VĂN GIANG	TD5	17	1	11	14	71	DVL	Vietnamese
9	NGUYỄN TUẤN VIỆT	TD5	07	1	5		80	CỤC ĐĂNG	Vietnamese
10	TU ĐƯƠNG DUNG	TD5	10-11	2	8		70	KHOAN	Vietnamese
11	CAO ĐỨC HẢI	TD5	12	1	6		85	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN CAO HOÀNG	TD5	06	1	5	25	76	KHOAN	Vietnamese
13	PHẠM XUÂN HẢI	TD5	03	1	5	18	70	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM XUÂN THỦY	TD5	08	1	5	7	75	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN TRUNG THAI	TD5	01	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN HỮU HOÀN	TD5	18	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐỨC MINH	TD5	16	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
18	TRẦN VĂN HẢI-PVDT	TD5	02	1	6		72	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐỨC LONG	TD5	14	1	13		60	DVL	Vietnamese
20	TÔ ĐÌNH TỬ	TD5	19	1	5		65	YTE	Vietnamese
21	TRẦN ĐỨC THUAN	TD5	04-05	2	9		70	PSV	Vietnamese
22	HO VAN THAO	RP2	69	1	4		60	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

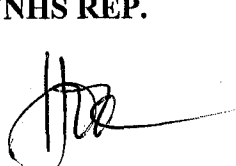
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RCDM	4	5	46	281	44	0		
2	TD5	17	19	108	1.219	64	19		
3	RP2	1	1	4	60	0	1		
TOTAL		22	25	158	1.560	108	20		
WEIGHT KG				158	1.560	108			

GRAND TOAL: 1.826 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/09/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: RC3 - TD3	CREW: TUYỀN - Khang - N.Nam	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LE DINH CHINH	RC3	72	1	7	29	66	H-DONG	Vietnamese
2	NGUYEN MINH TAI	RC3	70-71	2	12		71	H-DONG	Vietnamese
3	NGUYEN MANH TUAN	RC3	69	1	5		70	H-DONG	Vietnamese
4	NGUYEN NAM CUONG	TD3	24	1	13		81	KHOAN	Vietnamese
5	LE VAN TUAN *TT	TD3					74	KHOAN	Vietnamese
6	PHAM HAI ĐANG	TD3	28-30	3	18		75	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN VAN HUNG	TD3					76	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN VAN TRUNG	TD3	96	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
9	TRAN NGOC TUAN	TD3	84	1	4		58	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN THANH NHAN	TD3	95	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN VAN TUAN	TD3	22	1	7		66	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN DINH QUY	TD3	94	1	2		75	KHOAN	Vietnamese
13	TRAN VAN MINH	TD3	37	1	9		64	KHOAN	Vietnamese
14	LE VIET HUNG	TD3	27	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
15	TRAN CONG AN	TD3	97	1	2		64	KHOAN	Vietnamese
16	TRAN CONG MINH	TD3	23	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
17	TRAN CANH THAC	TD3	99	1	6		71	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN HUU NHAN	TD3	1000	1	4		59	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN TRONG VIET	TD3	98	1	2		65	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN VAN DUNG-PVDT	TD3	92-93	2	10		55	KHOAN	Vietnamese
21	DO VINH TUY	TD3	26	1	5	100	81	D-HANH	Vietnamese
22	PHAM HAI ĐANG	TD3	25	1	6		72	D-HANH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC3	3	4	24	207	29	2		
2	TD3	19	20	108	1.317	100	20		
TOTAL		22	24	132	1.524	129	22		
WEIGHT KG				132	1.524	129			

GRAND TOAL: 1.785 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/09/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:30
FLIGHT: 3	TO: P4 - JS2 - TD3	CREW: Vãn - DUONG - HIẾU	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH VŨ TIẾN	P4	70	1	10		73	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN XUÂN MAI	P4	61-62	2	17		60	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN DANH LUẬT	P4	69	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
4	DUONG TUAN VIỆT	P4	71	1	14		62	XAYLAP	Vietnamese
5	TRẦN NGỌC QUYẾT	P4	63	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
6	LÊ HUY DUÂN	P4	65-66	2	20		66	XAYLAP	Vietnamese
7	LÊ QUỐC HUƠNG	P4	68	1	9		71	XAYLAP	Vietnamese
8	BUI ĐÌNH THU	P4	60	1	14		69	XAYLAP	Vietnamese
9	CHU TIẾN CUÔNG	P4	64	1	10		61	XAYLAP	Vietnamese
10	VŨ DUY ĐỨC	P4	67	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ THANH TỬ	JS2	31	1	7	27	71	KHOAN	Vietnamese
12	BUI ĐỨC TRUNG	JS2	32	1	9		63	KHOAN	Vietnamese
13	ĐO THANH HAI	JS2	30	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN MẠNH	JS2	33	1	10	68	62	KHOAN	Vietnamese
15	HUYNH VĂN TRUNG	JS2	22	1	9		92	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN THANH TAM	JS2	29	1	11		52	KHOAN	Vietnamese
17	VŨ HOÀNG	JS2	24	1	10		66	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN HOÀNG LONG	JS2	28	1	10		67	KHOAN	Vietnamese
19	BUI VĂN TRI	JS2	23	1	5		66	XAYLAP	Vietnamese
20	LÊ CẢNH TỬ	JS2	25	1	5		60	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐÌNH LONG	JS2	26	1	8		65	XAYLAP	Vietnamese
22	HUYNH KIM LONG	JS2	27	1	5		63	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	10	12	129	662	0	2		
2	JS2	12	12	96	792	95	2		
3	TD3	0	0	0	0	0	17		
TOTAL		22	24	225	1.454	95	21		
WEIGHT KG				225	1.454	95			

GRAND TOAL: 1.774 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN